

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 02/2024/HSST

Ngày: 05/01/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nga.

2. Ông Nghiêm Thế Hùng.

*- Thư ký phiên tòa: Ông **Diệp Bảo Kiệt** - Thư ký Tòa án, Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: **Ông Phan Văn Hóa** – Kiểm sát viên.*

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 204/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2023/QĐXXST – HS ngày 18 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. NGÔ TRẦN D (tên gọi khác: Tép) - Giới tính: Nam.

Sinh năm 1993 tại G.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo.

Nơi cư trú: Tổ 08, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh G.

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Phụ xe.

Cha: Ngô Xuân N - Sinh năm 1953.

Mẹ: Trần Thị S - Sinh năm 1957.

Cha, mẹ của bị cáo hiện trú tại Tổ 08, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh G.

Bị cáo có 03 anh, chị ruột (lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1984).

Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Võ Bích T - Sinh năm 2003.

Bị cáo có 01 người con (sinh năm 2023), hiện ở cùng chị T tại Tổ 08, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh G.

Tiền án: 02 lần.

Tại Bản án số 211/HSPT ngày 25/7/2011, Toà án nhân dân Tối cao tại thành phố Hà Nội xét xử Phúc thẩm, tuyên phạt 13 (mười ba) năm tù về tội: “*Giết người*” (theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009). Chấp hành án tại Trại giam Gia T - Bộ Công an. Ngày 12/6/2019, chấp hành xong hình phạt tù.

Tại Bản án số 36/HSST ngày 06/5/2020, Toà án nhân dân thành phố Pleiku xét xử, tuyên phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” (theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017). Chấp hành án tại Trại giam Gia T - Bộ Công an. Ngày 11/3/2022, chấp hành xong hình phạt tù.

Các lần bị kết án trên, Ngô Trần D chưa được xoá án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo Ngô Trần D bị tạm giữ từ ngày 08/6/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, có mặt tại phiên tòa.

2. LÂM THÀNH P (tên gọi khác: T) - Giới tính: Nam.

Sinh năm 2001 tại G.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 13, phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh G.

Chỗ ở trước khi bị bắt: Khu nhà trọ số 17 đường Võ Trung T, Tổ 09, phường Ia K, thành phố P, tỉnh G.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phụ xe.

Cha: Lâm Văn Đ - Sinh năm 1972.

Mẹ: Lê Thị Quế C - Sinh năm 1972.

Cha và mẹ của bị cáo hiện trú tại Tổ 13, phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh G.

Bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 2008. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Lâm Thành P bị tạm giữ từ ngày 08/6/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, có mặt tại phiên tòa.

3. PHẠM VĂN T - Giới tính: Nam.

Sinh ngày 27 tháng 11 năm 2003 tại Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn D, xã C, huyện P, tỉnh G.

Chỗ ở trước khi bị bắt: Khu nhà trọ số 78 đường Nguyễn Thái B, Tổ 7, phường Ia K, thành phố P, tỉnh G.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ quán ăn.

Cha: Phạm Ngọc T - Sinh năm 1976.

Mẹ: Nguyễn Thị T - Sinh năm 1983.

Cha và mẹ của bị cáo hiện trú tại Thôn D, xã C, huyện P, tỉnh G.

Bị cáo không có anh, chị, em ruột.

Tiền án, tiền sự: Không.

* Về nhân thân: Ngày 24/12/2021, bị Công an huyện Phú T, tỉnh G xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích (phạt tiền); bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo Phạm Văn T bị tạm giữ từ ngày 08/6/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Trần D và Lâm Thành P có quen biết nhau; qua mối quan hệ xã hội, Phong có quen biết với Phạm Văn T; cả D, P và T đều sử dụng ma túy, loại Ketamine. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên D nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng và bán lại kiếm lời. Qua quen biết ngoài xã hội, D biết người thanh niên tên M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thường ở khu vực Bến xe Đức L, G là người có bán ma túy. Vào khoảng 17 giờ ngày 05/6/2023, D đến trước cổng bến xe Đ, G thuộc làng N, phường T, thành phố P thì gặp và mua của M 07 gói nilon chứa ma túy Khay với giá 6.000.000 đồng. Sau đó, D mang về nhà và đã sử dụng hết 01 gói, 06 gói còn lại, D cất giấu trong người nhằm mục đích để bán lại kiếm lời (BL số:).

Vào sáng ngày 07/6/2023, khi đang ngồi uống cà phê tại quán Bờ K suối H, thành phố P, P bàn bạc với T mua ma túy về bán lại kiếm lời, T đồng ý. Sau đó, P gọi điện thoại cho D hỏi mua ma túy Khay với giá 10.000.000 đồng, D đồng ý và hẹn P đến đường Lương Định C, phường H, thành phố P để giao dịch; P đồng ý và đã chuyển vào khoản 10.000.000 đồng qua hệ thống SmartBanking cho D; đồng thời P gọi điện thoại nói T đến địa chỉ trên để nhận ma túy từ D, T đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T đón xe taxi của người đàn ông (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch) đi đến địa chỉ trên thì gặp D, D giao cho T 06 gói ma túy Khay; T cất ma túy trong người rồi đi xe taxi về phòng trọ của T thuê ở tại số 78 đường Nguyễn Thái B, Tổ 09, phường Ia K, thành phố P, tỉnh G nơi T đang thuê ở. Đến khoảng 22 giờ ngày 07/6/2023, Võ Hồng Q (sinh năm 1999, trú tại số 52 đường Huỳnh Thúc K, Tổ 03, phường Yên Đ, thành phố P) gọi điện thoại cho P hỏi mua 01 gói ma túy Khay với giá 3.900.000 đồng, P đồng ý. Sau đó, P gọi điện thoại nói T đem 01 gói ma túy Khay đến khu vực gần quán Bờ K, phường Hội P, thành phố P để bán cho Võ Hồng Q, T đồng ý. T thuê xe taxi của người đàn ông (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch

và hãng xe) chở đến địa chỉ trên và T đã bán cho Q 01 gói ma túy Khay; Q trả cho T 4.000.000 đồng tiền mặt nên T chuyển lại vào tài khoản của Q 100.000 đồng tiền thừa qua hệ thống SmartBanking. Số tiền 3.900.000 đồng có được từ việc bán ma túy cho Q, T đem đến phòng trọ số 17 đường Võ Trung T, Tổ 09, phường Ia K, thành phố P đưa cho P 3.500.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản cho P 300.000 đồng; còn 100.000 đồng, T trả tiền thuê xe taxi khi đi bán ma túy. Sau đó, T chia 01 gói ma túy trong số ma túy mua được thành hai phần, đưa cho P một phần, còn T giữ lại một phần, rồi đi về phòng trọ sử dụng hết; 04 gói nilon ma túy còn lại, T cất giấu trong ống thoát nước trước phòng trọ nơi T đang thuê ở, nhằm mục đích có ai hỏi thì bán lại kiếm lời. Vào lúc 07 giờ ngày 08/6/2023, khi T đang ở trong phòng trọ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phối hợp với Công an phường Ia K phát hiện, bắt quả tang và thu giữ tại ống thoát nước trước cửa phòng trọ 04 gói nilon bên trong đều chứa chất màu trắng dạng tinh thể (được niêm phong theo quy định). Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của T 01 chiếc điện thoại động hiệu Iphone màu xám kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số: 8984.04800.09058.49845).

Trên cơ sở lời khai của Phạm Văn T và vật chứng vụ án đã thu giữ, vào lúc 09 giờ 40 phút ngày 08/6/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Lâm Thành P về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và đã thu giữ của P, gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số: 8401.2108.3399.8386) và 1.900.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vào lúc 11 giờ 10 phút cùng ngày, Ngô Trần D đã đến Công an phường Phù Đồng đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi bán ma túy cho T và P như đã nêu trên, đồng thời giao nộp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số: 8041.2108.9263.2431).

Qua trưng cầu giám định, tại bản Kết luận giám định số 529/KL-KTHS ngày 16 tháng 6 năm 2023 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng dạng tinh thể trong 04 gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 2,8449 gam”*.

Quá trình điều tra, Ngô Trần D khai: Số tiền 10.000.000 đồng mà Lâm Thành P chuyển vào tài khoản của D để mua ma túy, D vẫn cất giữ trong tài khoản (thẻ ATM do Ngân hàng cấp) và Duy ở tại nhà nên chị Võ Bích T (sinh năm 2003, trú Tổ 01, phường Phù Đ, thành phố Pleiku), là người chung sống như vợ chồng với Ngô Trần D, đã rút số tiền 10.000.000 đồng này và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8984.04800.09058.49845); chiếc điện di động hiệu Iphone, kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số: 8401.2108.3399.8386) và chiếc điện thoại di động hiệu Iphone,

kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số: 8041.2108.9263.2431), qua điều tra xác định là tài sản của Phạm Văn T, Lâm Thành P và Ngô Trần D. Các bị can đã sử dụng các điện thoại này để liên lạc mua, bán ma túy và chuyển tiền mua ma túy.

Đối với số tiền 1.900.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thu giữ của Lâm Thành P và số tiền 10.000.000 đồng (do chị Võ Bích T giao nộp) là tiền do các bị cáo P và D mua bán ma túy mà có; số tiền 3.800.000 đồng mà T đã giao cho P (do bán ma túy cho Võ Hồng Q), Cơ quan điều tra đã thu giữ được, còn 1.900.000 đồng P khai đã tiêu xài hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Vật chứng của vụ án, gồm:

- + Chất ma túy loại Ketamine còn lại sau giám định, trong 01 phong bì ghi số 529/PC09 ngày 16/6/2023, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai.

- + 11.900.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- + 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu xám màu xám, kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8984.04800.09058.49845).

- + 01 chiếc điện di động hiệu Iphone, kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số: 8401.2108.3399.8386).

- + 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số: 8041.2108.9263.2431);

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận giám định số 510/KLGD ngày 14/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G nói trên.

Tại bản cáo trạng số 02/CT- VKS ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân TP.P đã truy tố đối với bị cáo Ngô Trần D về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, truy tố các bị cáo Lâm Thành P và Phạm Văn T về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của các bị cáo Ngô Trần D, Lâm Thành P và Phạm Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Ngô Trần D, Lâm Thành P và Phạm Văn T phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

- Áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Trần D mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

- Áp dụng khoản 1 Điều 215; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Thành P mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

- Áp dụng khoản 1 Điều 215; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Căn cứ khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bì công văn dán kín ghi số 529/PC09 ngày 166/2023” có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh G. (có chữ ký Phan Như H; Nguyễn Đại H; Bùi Sĩ T).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

-01(một) điện thoại di động hiệu iPhone, màu xám kèm theo sim số (mặt sim có dãy số 8984.04800.09058.49845) Điện thoại cũ, vỡ màn hình điện thoại đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

-01(một) điện thoại di động hiệu iPhone kèm theo sim số (mặt sim có dãy số 8401.2108.3399.8386) Điện thoại cũ, vỡ màn hình điện thoại đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

-01(một) điện thoại di động hiệu iPhone kèm theo sim số (mặt sau sim có dãy số 8041.2108.9263.2431) Điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

Số tiền 11.900.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Buộc bị cáo Lâm Thành P phải nộp lại số tiền 1.900.000đ và bị cáo Phạm Văn T nộp lại số tiền 100.000đ tiền thu lợi bất chính.

Buộc các bị cáo Ngô Trần D, Lâm Thành P và Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các Bị cáo nói lời nói sau cùng:

Bị cáo Ngô Trần D: *Xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm quay về với gia đình.*

Bị cáo Lâm Thành P: *Xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.*

Bị cáo Phạm Văn T: *Xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.*

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Ngô Trần D, Lâm Thành P và Phạm Văn T tại phiên tòa ngày hôm nay hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, các tài liệu đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: Ngô Trần D và Lâm Thành P có quen biết nhau; qua mối quan hệ xã hội, P có quen biết với Phạm Văn T; cả D, P và T đều sử dụng ma túy, loại Ketamine. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên D nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng và bán lại kiếm lời. Qua quen biết ngoài xã hội, D biết người thanh niên tên M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thường ở khu vực Bến xe Đức L, G là người có bán ma túy. Vào khoảng 17 giờ ngày 05/6/2023, D đến trước cổng bến xe Đức L thuộc làng N, phường Tr, thành phố P thì gặp và mua của M 07 gói nilon chứa ma túy Khay với giá 6.000.000 đồng. Sau đó, D mang về nhà và đã sử dụng hết 01 gói, 06 gói còn lại, D cất giấu trong người nhằm mục đích để bán lại kiếm lời.

Vào sáng ngày 07/6/2023, khi đang ngồi uống cà phê tại quán Bờ K suối H, thành phố P, P bàn bạc với T mua ma túy về bán lại kiếm lời, T đồng ý. Sau đó, P gọi điện thoại cho D hỏi mua ma túy Khay với giá 10.000.000 đồng, D đồng ý và hẹn P đến đường Lương Định C, phường H, thành phố P để giao dịch; P đồng ý và đã chuyển vào khoản 10.000.000 đồng qua hệ thống SmartBanking cho D; đồng thời P gọi điện thoại nói T đến địa chỉ trên để nhận ma túy từ D, T đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T đón xe taxi của người đàn ông (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch) đi đến địa chỉ trên thì gặp D, D giao cho T 06 gói ma túy Khay; T cất ma túy trong người rồi đi xe taxi về phòng trọ của T thuê ở tại số 78 đường Nguyễn Thái B, Tổ 09, phường Ia K, thành phố P, tỉnh G nơi T đang thuê ở. Đến khoảng 22 giờ ngày 07/6/2023, Võ Hồng Q (sinh năm 1999, trú tại số 52 đường Huỳnh Thúc K, Tổ 03, phường Yên Đ, thành phố P) gọi điện thoại cho P hỏi mua 01 gói ma túy Khay với giá 3.900.000 đồng, P đồng ý. Sau đó, P gọi điện thoại nói T đem 01 gói ma túy Khay đến khu vực gần quán Bờ K, phường H, thành phố P để bán cho Võ Hồng Q, T đồng ý. T thuê xe taxi của người đàn ông (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch và hãng xe) chở đến địa chỉ trên và T đã bán cho Q 01 gói ma túy Khay; Q trả cho T 4.000.000 đồng tiền mặt nên T chuyển lại vào tài khoản của Q 100.000 đồng tiền thừa qua hệ thống SmartBanking. Số tiền 3.900.000 đồng có được từ việc bán ma túy cho Q, T đem đến phòng trọ số 17 đường Võ Trung T, Tổ 09, phường Ia K, thành

phố P đưa cho P 3.500.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản cho P 300.000 đồng; còn 100.000 đồng, T trả tiền thuê xe taxi khi đi bán ma túy. Sau đó, T chia 01 gói ma túy trong số ma túy mua được thành hai phần, đưa cho P một phần, còn T giữ lại một phần, rồi đi về phòng trọ sử dụng hết; 04 gói nilon ma túy còn lại, T cất giấu trong ống thoát nước trước phòng trọ nơi T đang thuê ở, nhằm mục đích có ai hỏi thì bán lại kiếm lời. Vào lúc 07 giờ ngày 08/6/2023, khi T đang ở trong phòng trọ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phối hợp với Công an phường Ia K phát hiện, bắt quả tang và thu giữ tại ống thoát nước trước cửa phòng trọ 04 gói nilon bên trong đều chứa chất màu trắng dạng tinh thể (được niêm phong theo quy định). Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của T 01 chiếc điện thoại động hiệu Iphone màu xám kèm thẻ sim

Đối với các chất ma túy còn lại sau giám định, trong bì công văn ghi số 529/PC09 ngày 16/6/2023, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố P chuyển theo vụ án để xử lý.

[3] Bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của các bị cáo là trái pháp luật, bị xã hội lên án gay gắt và pháp luật cũng trừng trị nghiêm khắc đối với loại tội phạm này, nhưng chỉ vì sống buông thả không có ý thức phấn đấu rèn luyện bản thân nên bị cáo Ngô Trần D đã mua bán túy mục đích để sử dụng cho bản thân ngoài ra còn bán cho các con nghiện khác để kiếm tiền tiêu xài, số lượng ma túy mà bị cáo Ngô Trần D đã bán cho Lâm Thành P và Phạm Văn T là 06 gói, Lâm Thành P và Phạm Văn T đã sử dụng hết một gói và bán cho Vũ Hồng Q 01 gói, số ma túy còn lại Phạm Văn T đã cất giấu tại phòng trọ của T ở với mục đích để bán kiếm lời.

Đối với bị cáo Ngô Trần D bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã hai lần bị xử phạt về tội cố ý chưa được xóa án tích. Tại bản án số 36/HSST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân TP.P đã xác định bị cáo Ngô Trần D đã “Tái phạm” chưa được xóa án tích mà lại thực hiện tội phạm do cố ý nên hành vi phạm tội lần phạm tội này của bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS.

[4] Vì vậy đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Ngô Trần D đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và các bị cáo Lâm Thành P và Phạm Văn T đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, vì vậy Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Các bị cáo với tuổi đời còn trẻ và đều nhận thức được ma túy không chỉ hủy hoại sức khỏe của người sử dụng mà còn ảnh hưởng tới gia đình và cộng đồng

xã hội, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, làm mất an ninh trật tự xã hội, nhưng do thiếu sự rèn luyện phần đầu tu dưỡng của bản thân, nên các bị cáo đã sa ngã vào con đường phạm tội, hành vi phạm tội của các bị cáo đã bị bắt phạm tội quả tang.

Trong vụ án này bị cáo P là người khởi xướng và rủ rê bị cáo Phạm Văn T mua ma túy mục đích là để sử dụng và bán kiếm lời như đã nói ở trên, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm vào chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội bị, các bị cáo nhận thức được hành vi Mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và đều bị pháp luật nghiêm cấm và có hình phạt rất nghiêm khắc đối với các loại tội phạm này, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian dài để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, giáo dục các bị cáo đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều có xác nhận của chính quyền địa phương có hoàn cảnh khó khăn, ngoài ra bị cáo Ngô Trần D sau khi phạm tội đã ra đầu thú, xét đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với đối tượng tên M là người mà bị cáo D khai đã bán ma túy cho D. Do D không biết được nhân thân, lai lịch của đối tượng M, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành mở danh bạ, nhật ký cuộc gọi, nhật ký tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo D nhưng không xác định được số điện thoại của đối tượng M nên chưa có căn cứ để điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[7] Đối với Võ Hồng Q là người đã mua ma túy của bị cáo Lâm Thành P và Phạm Văn T; quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng Q không có mặt tại địa phương, chưa ghi được lời khai nên chưa có căn cứ để xử lý đối với Q về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào có đủ căn cứ sẽ xem xét và xử lý sau.

[8] Đối với ông Nguyễn Bạch Y (sinh năm 1977) là chủ nhà trọ số 78 đường Nguyễn Thái B, Tổ 09, phường Ia K, thành phố P (nơi T thuê ở) và anh Võ Hoàng P (sinh năm 1992) là chủ nhà trọ số 17 đường Võ Trung T, Tổ 09, phường Ia K, thành phố P (nơi P thuê ở): Việc P và T sử dụng và cất giấu ma túy tại phòng trọ để bán lại kiếm lời thì ông Y và anh P không biết nên không có căn cứ để xử lý.

[9] *Về xử lý vật chứng:*

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bì công văn dán kín ghi số 529/PC09 ngày 166/2023” có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh G. (có chữ ký Phan Như H; Nguyễn Đại H; Bùi Sĩ T).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

-01(một) điện thoại di động hiệu iPhone, màu xám kèm theo sim số (mặt sim có dãy số 8984.04800.09058.49845) Điện thoại cũ, vỡ màn hình điện thoại đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

-01(một) điện thoại di động hiệu iPhone kèm theo sim số (mặt sim có dãy số 8401.2108.3399.8386) Điện thoại cũ, vỡ màn hình điện thoại đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

-01(một) điện thoại di động hiệu iPhone kèm theo sim số (mặt sau sim có dãy số 8041.2108.9263.2431) Điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

-Số tiền 11.900.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

-Buộc bị cáo Lâm Thành P phải nộp lại số tiền 1.900.000đ và bị cáo Phạm Văn T nộp lại số tiền 100.000đ tiền thu lợi bất chính.

[10] Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Ngô Trần D; Lâm Thành P và Phạm Văn T.

[11] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Trần D; Lâm Thành P và Phạm Văn T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

-Áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Trần Duy: 07 (bảy) năm tù về tội: ***“Mua bán trái phép chất ma túy”***. Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2023.

-Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1; 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lâm Thành P: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: ***“Mua bán trái phép chất ma túy”***; Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2023.

-Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1; 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm tù về tội: ***“Mua bán trái phép chất ma túy”***; Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2023.

3.Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bì công văn dán kín ghi số 529/PC09 ngày 166/2023” có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Gia Lai. (có chữ ký Phan Như H; Nguyễn Đại H; Bùi Sĩ T).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

-01(một) điện thoại di động hiệu iPhone, màu xám kèm theo sim số (mặt sim có dãy số 8984.04800.09058.49845) Điện thoại cũ, vỡ màn hình điện thoại đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

-01(một) điện thoại di động hiệu iPhone kèm theo sim số (mặt sim có dãy số 8401.2108.3399.8386) Điện thoại cũ, vỡ màn hình điện thoại đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

-01(một) điện thoại di động hiệu iPhone kèm theo sim số (mặt sau sim có dãy số 8041.2108.9263.2431) Điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

Số tiền 11.900.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Buộc bị cáo Lâm Thành P phải nộp lại số tiền 1.900.000đ và bị cáo Phạm Văn T nộp lại số tiền 100.000đ tiền thu lợi bất chính.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/12/2023 giữa Cơ quan CSĐT công an TP. Pleiku và Chi cục thi hành án dân sự TP. P).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Ngô Trần D; Lâm Thành P và Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Báo cho: Ngô Trần D; Lâm Thành P và Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 05/01/2024).

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. Pleiku;
- Công an TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Hồng